

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của
Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện
Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển
kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng
Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*Sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 30-NQ/TW*); Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị (*Sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 14/NQ-CP*); Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 17/02/2023 của Tỉnh ủy Nam Định thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xây dựng và ban hành Kế hoạch nhằm quán triệt và chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung tổ chức thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ; Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 17/02/2023 của Tỉnh ủy.

2. Kế hoạch thực hiện phải đảm bảo phù hợp và gắn kết chặt chẽ với những chủ trương, định hướng, mục tiêu, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh; phù hợp với Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, các quy hoạch, kế hoạch có liên quan khác và những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong Chương trình hành động của Chính phủ; Chương trình hành động của Tỉnh ủy. Là căn cứ để Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm điểm trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm được giao.

3. Căn cứ vào các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong Nghị quyết của Chính phủ; Chương trình hành động của Tỉnh ủy và trong Kế hoạch này, các cấp các ngành tổ chức triển khai thực hiện một cách quyết liệt, cụ thể, phù hợp với thực tế ngành, địa phương mình và có sự phối kết hợp chặt chẽ. Đảm bảo sự chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực con người để xây dựng tỉnh Nam Định phát triển nhanh và bền vững; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; có mối quan hệ liên kết phát triển mật thiết với các tỉnh lân cận trong vùng và cả nước. Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển kinh tế; chú trọng sản xuất nông nghiệp sạch, công nghiệp công nghệ cao có nguồn thu lớn cho ngân sách Nhà nước. Tăng cường khai thác tiềm năng thế mạnh vùng kinh tế biển để trở thành vùng kinh tế động lực phía Nam của tỉnh. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, đô thị thông minh, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Chú trọng bảo vệ môi trường và phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đến năm 2030, Nam Định là tỉnh phát triển khá của cả nước, là cực phát triển quan trọng của vùng Nam đồng bằng Sông Hồng.

2. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 9,0-9,5%/năm. Đến năm 2030, GRDP (giá hiện hành) tăng khoảng 3 lần so với năm 2020, trong đó nông, lâm và thủy sản chiếm khoảng 10%; Công nghiệp - xây dựng, dịch vụ chiếm khoảng 90%. Phấn đấu GRDP bình quân đầu người đạt mức bình quân chung của vùng¹. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt từ 6,5% trở lên. Kinh tế số đạt khoảng 30% GRDP. Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 45%. Có 100% số xã, thị trấn đạt chuẩn NTM nâng cao, trong đó có 35% số xã, thị trấn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; 08 huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, trong đó có 03 huyện được công nhận huyện NTM kiểu mẫu.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: Mầm non đạt 90%, Tiểu học đạt 97,8%; Trung học cơ sở đạt 98,2%; Trung học phổ thông đạt 97,8%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 85% (trong đó, lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 56%); Tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức dưới 3%. Không còn hộ nghèo (trừ những trường hợp thuộc diện không có khả năng lao động hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng hoặc do bệnh hiểm nghèo). Đạt 32 giường và 12 bác sỹ/vạn dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 98% dân số.

- Tỷ lệ hộ gia đình ở thành thị và nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 100%; 100% khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở thành thị và nông thôn đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%; Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%.

- Các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể đến năm 2030 theo Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III đính kèm

¹ Mục tiêu đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người vùng đồng bằng Sông Hồng đạt khoảng 274 triệu đồng/người/năm.

3. Tầm nhìn đến năm 2045: Nam Định là một cực phát triển quan trọng của vùng Nam đồng bằng Sông Hồng, là trung tâm kinh tế hiện đại, động lực phát triển quan trọng và điểm kết nối giao thương hàng hóa, dịch vụ và văn hóa của vùng đồng bằng Sông Hồng với hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ và hiện đại. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Nghị quyết

- Tập trung quán triệt các nội dung của Nghị quyết 30-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 14/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động số 30-CTr/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh để tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí chiến lược và tầm quan trọng đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của vùng đồng bằng Sông Hồng đối với cả nước; coi liên kết vùng là xu thế tất yếu, là động lực và dẫn dắt sự phát triển của tỉnh và các địa phương trong vùng.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết 30-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 14/NQ-CP của Chính phủ với nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thuận lợi, thách thức, cũng như tiềm năng, lợi thế của vùng để tạo đột phá phát triển bền vững.

- Đổi mới tư duy phát triển, đẩy mạnh quyết tâm của các cấp, các ngành, phát huy mạnh mẽ tinh thần tự lực, tự cường, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu đã đề ra, tập trung chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối và liên kết vùng.

2. Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và tổ chức quản lý, thực hiện tốt các loại quy hoạch; tăng cường xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền, tổ chức thực hiện các chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng công tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tập trung triển khai thực hiện tốt các quy hoạch: Quy hoạch vùng Đồng bằng Sông Hồng, Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Ninh Cơ; Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung xây dựng khu chức năng phía Nam đô thị Rạng Đông đến năm 2040; Quy hoạch chung đô thị mới thuộc địa phận 4 xã Yên Bằng, Yên Quang, Yên Hồng, Yên Tiến, huyện Ý Yên đến năm 2035; các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết theo các quy hoạch đã được phê duyệt,... Đề xuất bổ sung Quy hoạch cảng biển nước sâu tại huyện Nghĩa Hưng; Quy hoạch điện khí và điện gió ngoài khơi,...

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất phù hợp với không gian phát triển, lựa chọn ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên phát triển, dự án đầu tư phù hợp với Quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch vùng và Quy hoạch quốc gia,... đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ. Quản lý, khai thác có hiệu quả quỹ đất, nhất là quỹ đất được hình thành từ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

- Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền. Quán triệt và thực hiện nghiêm văn bản quy phạm pháp luật, nhất là các quy định mới được ban hành. Thực hiện tốt công tác xây dựng, thẩm định, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

- Tổ chức triển khai thực hiện những cơ chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng, đảm bảo hiệu quả điều phối, liên kết phát triển, tập trung vào một số lĩnh vực như quy hoạch, phát triển hạ tầng, xúc tiến đầu tư, xử lý các vấn đề về môi trường, phát triển các cụm liên kết ngành,...

3. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng; phát triển các ngành, lĩnh vực theo hướng hiện đại, xanh, bền vững và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế

3.1. Phát triển công nghiệp

- Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao, ứng dụng nền tảng số, thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao, tham gia sâu, toàn diện vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Ưu tiên phát triển, tăng tỷ trọng sản phẩm các ngành công nghiệp có công nghệ hiện đại như: Cơ khí chế tạo, sản xuất thiết bị máy móc, lắp ráp ô tô, linh kiện điện tử, thuốc chữa bệnh, chế biến thực phẩm, hàng tiêu dùng... và một số ngành công nghiệp có thế mạnh của tỉnh. Trong đó, tập trung đơn đốc, hỗ trợ nhà đầu tư để sớm hoàn thành các dự án lớn như: Nhà máy thép xanh Xuân Thiện Nghĩa Hưng, Nhà máy thép xanh số 1 Xuân Thiện Nghĩa Hưng, Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn Xuân Thiện Nam Định tại huyện Nghĩa Hưng,...

- Phát triển các khu, cụm công nghiệp gắn với không gian phát triển công nghiệp của cả nước, vùng đồng bằng sông Hồng; gắn với các tuyến hành lang, vành đai kinh tế và các vùng kinh tế trọng điểm như: Hành lang kinh tế Bắc – Nam, vành đai kinh tế ven biển Quảng Ninh – Hải Phòng – Thái Bình – Nam Định – Ninh Bình,... Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là nguồn lực xã hội hóa, để đầu tư xây dựng hạ tầng khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch được duyệt. Tập trung hoàn thành cơ sở hạ tầng một số khu, cụm công nghiệp để thu hút các nhà đầu tư thứ cấp vào sản xuất kinh doanh, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông; Khu công nghiệp Mỹ Thuận; Khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng; Khu công nghiệp Hồng Tiến, Khu công nghiệp

Trung Thành (huyện Ý Yên), Khu công nghiệp Hải Long (huyện Giao Thủy) khi quy hoạch được duyệt và một số khu công nghiệp quy mô lớn theo quy hoạch; CCN Yên Bằng, huyện Ý Yên; CCN Thanh Côi, huyện Vụ Bản; CCN Giao Thiện, huyện Giao Thủy; CCN Tân Thịnh, huyện Nam Trực, CCN Vĩnh Hào, huyện Vụ Bản,... hướng tới phát triển khu công nghiệp sinh thái. Đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ vướng mắc Khu công nghiệp Mỹ Trung. Khảo sát, nghiên cứu và thu hút đầu tư Nhà máy điện khí LNG Nam Định tại huyện Hải Hậu; tiềm năng điện gió gần bờ và ngoài khơi tại các huyện Nghĩa Hưng, Giao Thủy, Hải Hậu. Đẩy mạnh chương trình khuyến công, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào phát triển công nghiệp nông thôn, hỗ trợ các doanh nghiệp tiểu thủ công nghiệp, làng nghề phát triển.

3.2. Phát triển nông nghiệp

- Phát triển nông nghiệp hiệu quả cao, bền vững, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng dựa trên ứng dụng công nghệ cao, sản xuất an toàn, hữu cơ, sản phẩm sản xuất có giá trị cao theo chuỗi giá trị. Tập trung phát triển các vùng chuyên canh hàng hóa lớn, chất lượng cao như: lúa, rau, hoa, cây cảnh. Đẩy mạnh đổi mới hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị thông qua phát triển kinh tế trang trại, hợp tác xã nông nghiệp và các tổ hợp tác có liên kết với người dân. Nhân rộng và phát huy hiệu quả các mô hình cánh đồng lớn, cánh đồng liên kết, tổ chức các chuỗi khép kín từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của ngành trồng trọt. Phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, xây dựng hệ thống trang trại đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Phát triển mạnh đánh bắt và nuôi trồng thủy sản hàng hóa theo hướng đa dạng hóa đối tượng nuôi, hình thức nuôi công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao; quy hoạch phát triển các vùng nuôi trồng tập trung có hệ thống cấp, thoát nước riêng biệt, đảm bảo an toàn dịch bệnh phát triển bền vững. Tạo điều kiện đẩy mạnh khai thác xa bờ, ngăn chặn đánh bắt hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Khuyến khích thành lập mới hợp tác xã nông nghiệp, nhất là hợp tác xã chuyên ngành, phát triển kinh tế trang trại; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhất để doanh nghiệp liên kết với hợp tác xã, trang trại và hộ sản xuất cá thể hình thành các chuỗi khép kín từ khâu sản xuất nguyên liệu tới chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh và chia sẻ rủi ro. Tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch cơ cấu lại ngành Nông nghiệp giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch thực hiện các Chiến lược phát triển trồng chọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021-2025,... kịp thời rà soát, tham mưu điều chỉnh cho phù hợp với tình hình phát triển và thực tiễn của địa phương.

- Thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng nền tảng số và dữ liệu số trong phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn; phát triển mạnh các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp như công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ nông nghiệp, công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện hoàn thành các mục tiêu theo Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 18/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XX về xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 gắn với quá trình đô thị hóa, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, đảm bảo giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo tồn không gian kiến trúc văn hóa làng, xã truyền thống; bảo vệ môi trường, không gian cảnh quan, gắn phát triển làng nghề truyền thống với phát triển du lịch. Triển khai quyết liệt, đồng bộ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với xây dựng thương hiệu, để khai thác lợi thế các sản phẩm đặc trưng của các địa phương, tạo điều kiện cho việc mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Khuyến khích nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa trong nông nghiệp và công nghệ chế biến. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển nông nghiệp.

3.3. Phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch

- Phát triển các ngành dịch vụ, thương mại, du lịch theo hướng văn minh, hiện đại, đa dạng. Thực hiện đồng bộ các giải pháp thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển kinh doanh thương mại, dịch vụ hiện đại, nhất là các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp tư nhân đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt thị trường; quan tâm phát triển hệ thống chợ, mạng lưới thương mại truyền thống, hệ thống vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ. Tổ chức tốt các dịch vụ vận tải, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính và quản lý hoạt động kinh doanh. Hỗ trợ doanh nghiệp khai thác, tận dụng tốt các cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường các nước tham gia các Hiệp định thương mại tự do với Việt Nam, nhất là các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Tập trung triển khai hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch thực hiện Chiến lược “Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

- Nâng cao chất lượng các dịch vụ bưu chính, viễn thông. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng, mở rộng mạng lưới hoạt động dịch vụ. Thực hiện chuyển đổi số, hướng tới xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách, giải pháp nhằm phát triển mạnh các ngành dịch vụ văn hóa, thể thao, giáo dục, đào tạo, y tế,... theo hướng hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển mạnh dịch vụ tài chính ngân hàng để phục vụ sản xuất và mở rộng mạng lưới hoạt động, đặc biệt là địa bàn nông thôn. Thực hiện nghiêm, kịp thời, đầy đủ các cơ chế, chính sách về tiền tệ, tín dụng và ngân hàng.

- Tăng cường xúc tiến, quảng bá và đào tạo nguồn nhân lực du lịch. Khuyến khích, tạo điều kiện thu hút đầu tư xây dựng, phát triển du lịch; khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch của địa phương trong mối tương quan với du lịch của vùng, trong đó phát triển và tăng cường quản lý hoạt động du lịch văn hóa tâm linh, sinh thái, lịch sử. Phát triển các trung tâm vui chơi, giải trí để khai thác những điều kiện, lợi thế về cảnh quan, sinh thái, các giá trị văn hoá, tâm linh.

3.4. Phát triển kinh tế biển

Phát triển kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái biển. Tập trung triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng, phát triển vùng kinh tế ven biển tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo, với mục tiêu xây dựng vùng kinh tế ven biển trở thành vùng kinh tế động lực, có bước phát triển nhanh, bền vững, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, trọng tâm là phát triển công nghiệp, đô thị, thương mại dịch vụ, du lịch, kết hợp với phát triển các ngành nông nghiệp, thủy sản. Đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn lực phục vụ phát triển kết cấu hạ tầng vùng kinh tế biển. Xây dựng, hình thành và thu hút các nhà đầu tư lớn để Khu kinh tế Ninh Cơ là trung tâm giao thương về công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch và cảng biển; Khu kinh tế ven biển huyện Nghĩa Hưng là trung tâm sản xuất đồng bộ từ sợi, dệt, nhuộm, may mặc và thời trang; hình thành cảng biển quy mô lớn,... Xây dựng, phát triển các đô thị ven biển như: Thịnh Long, Quất Lâm, Rạng Đông,... theo hướng phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch biển, nghỉ dưỡng.

4. Phát triển hệ thống đô thị bền vững và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại

4.1. Tập trung, đẩy mạnh và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới đô thị trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn phát triển, trên cơ sở Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng huyện và các quy hoạch ngành đã được phê duyệt, đảm bảo nâng cao chất lượng, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng hiện đại, văn minh, bền vững và giữ gìn những giá trị, bản sắc văn hóa của mỗi đô thị. Tiếp tục triển khai và hoàn thành các khu đô thị, khu dân cư tập trung của các huyện, thành phố đồng bộ, hiện đại. Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 148/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 19-CTr/TU ngày 28/4/2022 của Tỉnh ủy và các chương trình, kế hoạch của tỉnh.

4.2. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách về tài chính - ngân sách, đầu tư để khuyến khích, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn thu để tạo động lực phát triển cho tỉnh. Tập trung thực hiện đồng bộ các biện pháp chống thất thu ngân sách. Phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức mục tiêu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn. Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu ngân sách; quản lý chặt chẽ tài sản công. Bố trí ngân sách khoa học, hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tập trung ưu tiên một số lĩnh vực trọng điểm, tránh dàn trải, hiệu quả đầu tư thấp.

Xây dựng và thực hiện hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn, ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách và vốn xã hội hóa để đầu tư các công trình trọng điểm, có tính chiến lược lâu dài. Đa dạng hóa các hình thức đầu tư; từng bước giảm dần tỷ trọng đầu tư công trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội; tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Áp dụng linh hoạt các hình thức kêu gọi vốn đầu tư theo các hình thức xã hội hoá. Xây dựng và công bố danh mục các dự án khuyến khích đầu tư để huy động tối đa các nguồn lực trong xã hội cho đầu tư phát triển.

4.3. Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các công trình trọng điểm, động lực, có tính chiến lược lâu dài, góp phần thúc đẩy xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội với những định hướng cụ thể như sau:

- Hoàn thiện mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối nội vùng và liên vùng, trong đó tập trung hoàn thành các dự án đầu tư trọng điểm như: Xây dựng đường trục phát triển nội vùng kinh tế biển với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (Giai đoạn II), cầu Bến mới, cầu Đông Cao, cầu Ninh Cường; xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Nam Định; đường bộ mới Nam Định - Lạc Quan - đường bộ ven biển; cầu vượt sông Đáy nối tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định; phối hợp với tỉnh Thái Bình đề xuất đầu tư tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng; nâng cấp Quốc lộ 37C Nam Định - Ninh Bình - Hòa Bình và các dự án Tỉnh lộ 485B, 488B,... Chú trọng đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

- Tổ chức thực hiện và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn để đầu tư nâng cấp, kiên cố hóa hạ tầng đê điều, thủy lợi, thủy sản. Trong đó ưu tiên xử lý các điểm xung yếu, các công trình phòng chống lụt bão, thích ứng với biến đổi khí hậu và khắc phục hậu quả thiên tai; củng cố, nâng cấp hệ thống thủy lợi theo quy hoạch; củng cố, nâng cấp hệ thống đê, kè, đặc biệt là đê biển, đầu tư xây dựng cảng cá Quần Vinh; nâng cấp, cải tạo cảng cá Ninh Cơ và đưa vào sử dụng khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão kết hợp bến cá cửa Hà Lạn; hoàn thành và khai thác hiệu quả Cụm công trình kênh nối Đáy - Ninh Cơ. Thực hiện các thủ tục đầu tư để triển khai dự án Xây dựng trạm bơm Độc Bộ thuộc hệ thống thủy nông Ý Yên và trạm bơm Rõng thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh (vay vốn ODA); Nâng cấp hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định thích ứng biến đổi khí hậu (vay vốn ADB); củng cố, nâng cấp hệ thống đê kè Thịnh Long, Rạng Đông,...

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án quản lý, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025, chú trọng đầu tư các công trình thu gom, xử lý rác thải, nước thải; khẩn trương hoàn thành xây dựng Nhà máy xử lý rác thải tại xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc; thu hút đầu tư các khu xử lý rác thải tập trung quy mô liên huyện theo quy hoạch (như khu vực huyện Giao Thủy, Nghĩa Hưng); dự án xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải thành phố Nam Định. Tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp mạng lưới điện, thông tin, viễn thông theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và nhu cầu của Nhân dân.

- Hạ tầng văn hóa - xã hội: Hoàn thành dự án Khu Trung tâm lễ hội thuộc khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần; Bệnh viện đa khoa tỉnh; Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong, Khu thiết chế công đoàn, thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục quy mô lớn, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao,...

4.4. Xây dựng phát triển thành phố Nam Định

Tập trung triển khai Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 18/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung xây dựng phát triển thành phố Nam Định giai đoạn 2021-2025 theo hướng hiện đại, có bản sắc riêng; là trung tâm phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, văn hóa và thể thao, giáo dục và đào tạo, y tế; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại. Trong đó, tập trung tổ chức thực hiện tốt nội dung Quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; Hoàn thành việc mở rộng địa giới hành chính thành phố Nam Định trước năm 2025 theo Quy hoạch được phê duyệt. Phát triển đặc trưng và bản sắc của thành phố Nam Định như: Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Đền Trần, chùa Phổ Minh, truyền thống đất học,... Hoàn thành một số dự án, công trình có tính điểm nhấn về hạ tầng, kiến trúc cảnh quan như: Khu đô thị mới phía Nam sông Đào; Xây dựng cầu qua sông Đào nối từ đường Song Hào đến đường Vũ Hữu Lợi; Xây dựng đường trục phía Nam thành phố Nam Định (đoạn từ đường Vũ Hữu Lợi đến QL.21B);... và một số dự án lớn của các nhà đầu tư.

5. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính

5.1. Tập trung phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, tổ chức triển khai hiệu quả, đồng bộ các chương trình khoa học - công nghệ của quốc gia, của vùng và của tỉnh. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ góp phần xây dựng đô thị thông minh, nông thôn mới kiểu mẫu, kinh tế biển, chuyển đổi số; nâng cao năng suất, chất lượng và phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ gắn với hình thành các doanh nghiệp khoa học - công nghệ, xây dựng hệ sinh thái

khởi nghiệp. Thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, thực hiện theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ, thông qua áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến gắn với chương trình Sở hữu trí tuệ và truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh để hỗ trợ xuất khẩu. Nâng cao năng lực công nghệ của các doanh nghiệp, từng bước hình thành và phát triển thị trường khoa học và công nghệ, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp. Khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư cho khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Tăng cường liên kết và ứng dụng chuyển giao công nghệ giữa các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; nâng cao năng lực tiếp thu, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân.

Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng trọng tâm, trọng điểm. Ưu tiên ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao, công nghệ là thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ số, để khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự trở thành yếu tố động lực cho quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tạo bứt phá về năng suất và chất lượng, tăng cường sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững của tỉnh.

5.2. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả chuyển đổi số; tập trung thực hiện cải cách hành chính và xây dựng phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Tập trung triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/6/2021 về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến và thu hút đầu tư giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2030,... Trong đó, tập trung thực hiện 6 nội dung: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công và Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số. Hoàn thành đề án phát triển dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Xây dựng và phát triển các hệ thống nền tảng chính quyền điện tử gắn với xây dựng đô thị thông minh, hướng tới xây dựng chính quyền số và chuyển đổi số trên các lĩnh vực. Thúc đẩy việc xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng hướng tới cơ quan nhà nước “không giấy tờ”. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức trong việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính ở cơ quan, đơn vị mình.

6. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Phát triển giáo dục đào tạo của tỉnh theo hướng kế thừa những thành tựu đã đạt được và đổi mới, tạo sự chuyển biến mạnh về số lượng, chất lượng và hiệu quả; phát triển hệ thống giáo dục với nhiều phương thức, trong đó hướng tới đào tạo chất lượng cao, liên cấp, có hàm lượng ứng dụng công nghệ cao, thực hành cao, tiệm cận với yêu cầu quốc gia và quốc tế; đẩy mạnh chuyển đổi số, nhằm từng bước đạt được nền giáo dục thông minh.

- Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển và đẩy mạnh chuyển đổi số. Trong đó, tập trung thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ khoa học công nghệ. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Triển khai Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030. Xây dựng và thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đẩy mạnh phân luồng sau Trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp ở Trung học phổ thông. Tăng cường đào tạo thường xuyên và đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số cho người lao động. Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc tỉnh; thúc đẩy đào tạo và phát triển nguồn nhân chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế. Mở rộng các hình thức giáo dục nghề nghiệp. Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống dịch vụ việc làm, dự báo thị trường lao động và kết nối cung - cầu lao động.

7. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của Nhân dân

- Phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa, lấy văn hóa làm nền tảng, đậm đà bản sắc của từng địa phương để khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, yêu quê hương, tăng cường sức sáng tạo, tinh thần cống hiến, khát vọng phát triển cho quê hương, đất nước.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 75/KL/TU ngày 14/12/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU về “Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định”. Nâng cao chất lượng thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trong giai đoạn mới. Đẩy mạnh phong trào xã hội hóa các hoạt động văn hóa, phát huy hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa. Tăng cường quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, nhất là Di sản văn hóa “Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” đã được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; các di

tích quốc gia đặc biệt như: Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật đền Trần và chùa Phổ Minh, Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Keo Hành Thiện. Đẩy mạnh quảng bá các đặc sản, văn hóa truyền thống của địa phương. Phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục, thể thao quần chúng, giáo dục thể chất trong các trường học; tập trung phát triển các môn thể thao thành tích cao có thế mạnh của tỉnh để đóng góp nguồn nhân lực có chất lượng cho các hoạt động thi đấu thể thao quốc tế và khu vực.

- Tăng cường quản lý nhà nước về y tế, nâng cao chất lượng bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đẩy nhanh xã hội hóa, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh của hệ thống y tế; tăng cường quản lý các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động của y tế tuyến xã với vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe. Triển khai hoạt động của các trạm y tế xã, phường, thị trấn theo nguyên lý y học gia đình, kết nối y tế cơ sở với các phòng khám tư nhân. Chú trọng phát triển mạng lưới y tế dự phòng. Tập trung triển khai theo lộ trình và sớm hoàn thiện sở sức khỏe điện tử đến từng người dân. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ thông tin, công nghệ số trong khám, chữa bệnh, liên thông công nhận kết quả khám, xét nghiệm. Chú trọng giáo dục nâng cao ý thức trong toàn ngành y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Đẩy mạnh thực hiện bảo hiểm y tế bắt buộc, tiến tới thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

- Thực hiện tốt các chính sách đối với người có công và đảm bảo an sinh xã hội. Tăng cường thực thi pháp luật về lao động, việc làm, an toàn - vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới. Lồng ghép thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững với đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, nâng cao. Tăng cường xã hội hóa, huy động nguồn lực trong nhân dân, khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp tích cực tham gia vào công tác an sinh xã hội.

8. Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Phát triển kinh tế đi đôi với tăng cường quản lý, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là đất, nước. Thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh.

- Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao”. Quản lý chặt chẽ và khai thác có hiệu quả các loại tài nguyên, khoáng sản, nhất là đất đai và khoáng sản cát. Nâng cao chất lượng xây dựng và triển khai

thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Tăng cường trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong quản lý, sử dụng đất đai theo tinh thần Kết luận số 43-KL/TU, ngày 22/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Kiên quyết ngăn chặn và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các vi phạm về đất đai. Quản lý chặt đất công, ngăn chặn tình trạng sử dụng đất lãng phí; đảm bảo việc giao đất, cho thuê đất và quản lý, sử dụng đất được thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Luật Đất đai. Tiếp tục xây dựng, hoàn thành, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu đất đai.

- Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường; chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường; kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định và xử lý nghiêm các vi phạm. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn. Tăng cường kiểm soát các hoạt động vận chuyển chất thải, nhập khẩu phế liệu và các hoạt động sản xuất có nguồn thải lớn, nguy hại. Bảo vệ nghiêm ngặt rừng phòng hộ, phát huy giá trị về du lịch và khai thác nguồn lợi thủy sản. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích sử dụng nguồn vốn của nhà đầu tư để thực hiện các công trình cung cấp nước sạch; các khu xử lý rác thải quy mô huyện, liên huyện theo quy hoạch. Kịp thời sửa chữa, khắc phục sự cố đê điều, các công trình phòng, chống thiên tai.

9. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

- Tiếp tục quán triệt thực hiện quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”; Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới; Nghị quyết số 33-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, ... Thực hiện nghiêm quy chế phối hợp giữa các lực lượng quân sự, công an, biên phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng. Triển khai có hiệu quả Luật Giáo dục quốc phòng an ninh; Luật Nghĩa vụ quân sự; Luật Dự bị động viên; Luật Công an nhân dân; Luật Biên phòng Việt Nam, ... Chăm lo xây dựng và củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân và xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh; quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 51-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia”; Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Chiến lược an ninh mạng quốc gia”; Nghị

quyết số 12-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, ... Giữ vững an ninh chính trị trong mọi tình huống, không để bị động, bất ngờ. Bảo đảm an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh mạng; kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Đảm bảo trật tự an toàn xã hội, không để hình thành tội phạm có tổ chức, hoạt động “xã hội đen”, phòng chống tội phạm công nghệ cao. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng “Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

- Tập trung chỉ đạo tiếp tục triển khai hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về công tác đối ngoại; thực hiện tốt “Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh”, các chương trình, kế hoạch công tác đối ngoại hàng năm và các hoạt động đột xuất. Tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác có nền kinh tế phát triển, khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường trong khu vực và trên thế giới như Nhật Bản, Hàn Quốc, EU... tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ với các đối tác truyền thống. Đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại, các hoạt động quảng bá tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để phục vụ thu hút đầu tư, gắn với phát triển du lịch bền vững. Khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút các nguồn vốn đầu tư như FDI, ODA và các nguồn vốn khác cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

10. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường kỷ luật kỷ cương; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm chống lãng phí

- Thực hiện có hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Triển khai thực hiện đồng bộ các khâu của công tác cán bộ, đảm bảo hiệu quả, liên thông, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ phẩm chất, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã giai đoạn 2023-2030. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước của các cấp chính quyền. Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp, nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Tăng cường phân cấp quản lý cho chính quyền các cấp, nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, đảm bảo thực hiện tốt chức năng quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn. Nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân, không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân.

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; kiểm tra công vụ để kịp thời chấn chỉnh việc thực thi nhiệm vụ, công vụ của công chức. Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng; phát động các phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo, đảm bảo tự do tín ngưỡng và tuân thủ pháp luật. Tổ chức thực hiện tốt các kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo quy định.

- Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, sử dụng vốn đầu tư công, tài sản công; phát huy hiệu quả vai trò của Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh. Triển khai quyết liệt, đồng bộ có hiệu quả quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Thực hiện nghiêm quy định về kê khai tài sản, kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp. Duy trì thực hiện tốt công tác tiếp dân; tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của nhân dân. Chú trọng thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực. Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên tất cả các lĩnh vực.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận xã hội phục vụ cho phát triển kinh tế và nhu cầu của nhân dân; nâng cao chất lượng nội dung các chương trình đảm bảo nhanh, kịp thời, chính xác với cơ cấu chương trình hợp lý, đa dạng và hấp dẫn, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ chính trị của tỉnh và nhu cầu của nhân dân. Chủ động thông tin khách quan, chính xác, kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chủ trương của tỉnh tới nhân dân. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, tạo đồng thuận xã hội. Tăng cường quản lý thông tin trên mạng Internet, kiên quyết đấu tranh, loại bỏ các thông tin xấu độc, xuyên tạc gây ảnh hưởng xấu đến ổn định chính trị - xã hội, thuần phong mỹ tục.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ Nghị quyết Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 14/NQ-CP của Chính phủ; Chương trình hành động số 30-CTr/TU của Tỉnh ủy và các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Kế hoạch này chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của sở, ban, ngành, địa phương mình, kịp thời xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Định kỳ hàng năm, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 05/12 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ theo quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ các nhiệm vụ trong Kế hoạch này và tình hình thực tế để xây dựng Chương trình công tác hàng năm của UBND tỉnh.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị liên quan theo dõi kết quả thực hiện Kế hoạch, tổng hợp lồng ghép trong các báo cáo đánh giá tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng, quý, cả năm báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các Huyện ủy; Thành ủy Nam Định;
- UBND các huyện, thành phố;
- CPVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT VP UBND tỉnh;
- Các VP, TT;
- Lưu: VP1, VP2.

Phước

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Đình Nghị

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Nam Định)

S TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐẾN NĂM 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân (giai đoạn 2021-2030)	%	9,0-9,5	Cục Thống kê
2	Cơ cấu GRDP			Cục Thống kê
	Trong đó			
-	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản</i>	%	10,0	
-	<i>Công nghiệp, xây dựng, dịch vụ</i>	%	90,0	
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	Phần đầu đạt mức bình quân chung của vùng ¹	Cục Thống kê
4	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%	30	Sở Thông tin và Truyền thông
5	Tỷ lệ đô thị hóa	%	>45	Sở Xây dựng
6	Tỷ lệ số xã, thị trấn đạt chuẩn NTM nâng cao	%	100	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	<i>Trong đó: Tỷ lệ số xã, thị trấn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu/đô thị văn minh</i>	%	35	
7	Số huyện đạt chuẩn NTM nâng cao	Huyện	8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	<i>Trong đó: Số huyện được công nhận đạt NTM kiểu mẫu</i>	<i>Huyện</i>	3	
8	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân (giai đoạn 2021-2030)	%	>6,5	Cục Thống kê
9	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%	>85	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
	<i>Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	>56	
10	Tỷ lệ thất nghiệp	%	<3	Cục Thống kê

¹ Mục tiêu đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người vùng đồng bằng Sông Hồng đạt khoảng 274 triệu đồng/người/năm.

11	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều (giai đoạn 2021-2030)	%	Không còn hộ nghèo ²	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
12	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia			Sở Giáo dục và Đào tạo
-	<i>Mầm non</i>	%	90,0	
-	<i>Tiểu học</i>	%	97,8	
-	<i>Trung học cơ sở</i>	%	98,2	
-	<i>Trung học phổ thông</i>	%	97,8	
13	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường bệnh	32	Sở Y tế
14	Số bác sỹ trên 10.000 dân	Bác sỹ	12	Sở Y tế
15	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	>98	Sở Y tế
16	Tỷ lệ hộ gia đình ở thành thị được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	%	100	Sở Xây dựng
17	Tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	%	100	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	Ban QL các KCN tỉnh
19	Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở thành thị và nông thôn đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	100	Sở Tài nguyên và Môi trường
20	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định	%	98	Sở Tài nguyên và Môi trường

² Trừ những trường hợp thuộc diện không có khả năng lao động hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng hoặc do bệnh hiểm nghèo.

Phụ lục II

MỘT SỐ NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA UBND TỈNH NAM ĐỊNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 14/NQ-CP NGÀY 08/02/2023 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Nam Định)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
1	Quy hoạch tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố	2023	Thủ tướng Chính phủ
2	Đề án thành lập khu kinh tế Ninh Cơ	Ban quản lý các khu công nghiệp	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
3	Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Hải Hậu - Giao Thủy; vùng liên huyện Nghĩa Hưng - Ý Yên; vùng liên huyện Nam Trực - Trực Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Xây dựng	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng, Ý Yên, Nam Trực, Trực Ninh	2023	HĐND tỉnh
4	Đề án kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất tỉnh Nam Định	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố	2024	UBND tỉnh
5	Đề án điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố	2023-2025	UBND tỉnh
6	Đề án ứng dụng khoa học và công nghệ để phát triển công nghiệp công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố	2023-2025	UBND tỉnh
7	Đề án phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố	2023-2024	UBND tỉnh

8	Đề án xây dựng hệ thống “Giáo dục thông minh” tỉnh Nam Định	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố	2023	UBND tỉnh
9	Đề án “Đảm bảo cơ sở, vật chất cho Công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn tỉnh Nam Định	Công an tỉnh	- Các sở, ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố	2023	UBND tỉnh

Ghi chú: Căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội thực tế từng giai đoạn, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung các chương trình, đề án để thực hiện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

Phụ lục III
DANH MỤC DỰ ÁN KẾT CẤU HẠ TẦNG TRỌNG ĐIỂM (NHÓM A) TỈNH
NAM ĐỊNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 14/NQ-CP NGÀY 08/02/2023 CỦA
CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045
(Kèm theo Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Nam Định)

STT	NHIỆM VỤ	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN	DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN
I	Hạ tầng giao thông		
1	Xây dựng cầu vượt sông Đáy và thực hiện GPMB tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng	Vốn đầu tư công; vốn của doanh nghiệp	2023-2025
2	Tuyến đường bộ mới Nam Định - Lạc Quần - đường bộ ven biển	Vốn đầu tư công; nguồn hợp pháp khác	2022-2027
3	Tuyến đường gom hai bên đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông kết nối liên vùng tỉnh Nam Định đến Hà Nam	Vốn đầu tư công; nguồn hợp pháp khác	2023-2030
4	Tuyến đường bộ mới thành phố Nam Định - Đường trục phát triển kinh tế biển tỉnh Nam Định (tuyến tránh giảm tải cho QL.10) và tuyến nhánh	Vốn đầu tư công; nguồn hợp pháp khác	2023-2030
5	Cảng biển tại Ninh Cơ (khu vực ngoài cửa Lạch Giang)	Vốn đầu tư công; vốn doanh nghiệp; nguồn hợp pháp khác	2023-2030
6	Một số dự án cầu lớn vượt sông Hồng, sông Đáy; sông Ninh Cơ; sông Đào theo yêu cầu phát triển hạ tầng giao thông, đô thị trong thời kỳ quy hoạch	Vốn đầu tư công; nguồn hợp pháp khác	2023-2030
II	Hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp		
7	Hạ tầng khu kinh tế Ninh Cơ (trên bờ và phát triển ra hướng biển)	Vốn đầu tư công; vốn doanh nghiệp; nguồn hợp pháp khác	2023-2030
8	Hạ tầng các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp được phê duyệt trong Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Vốn doanh nghiệp; nguồn hợp pháp khác	2023-2050
III	Hạ tầng đê điều, thủy lợi		
9	Nâng cấp hệ thống đê biển tỉnh Nam Định đáp ứng yêu cầu phòng chống lụt bão từng giai đoạn	Vốn ODA; vốn đầu tư công	2023-2030

10	Nâng cấp hệ thống đê sông, các cống dưới đê đáp ứng yêu cầu phòng chống lụt bão từng giai đoạn	Vốn đầu tư công; nguồn hợp pháp khác	2023-2030
11	Dự án nâng cấp hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định thích ứng biến đổi khí hậu	Vốn ODA; vốn đối ứng ngân sách tỉnh	2023-2030
12	Dự án xây dựng công trình ngăn xâm nhập mặn phòng tránh biến đổi khí hậu	Vốn đầu tư công; ODA; nguồn hợp pháp khác	2023-2030
IV	Phát triển vùng kinh tế biển		
13	Nâng cấp hệ thống cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền	Vốn đầu tư công; nguồn hợp pháp khác	2023-2030
V	Hạ tầng văn hóa, xã hội		
14	Dự án tổng thể về bảo tồn, tu bổ, phục hồi các di tích lịch sử văn hoá, kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh	Vốn đầu tư công; vốn doanh nghiệp; nguồn hợp pháp khác	2023-2030
15	Trung tâm văn hóa, hội chợ, triển lãm phía Nam thành phố Nam Định	Vốn đầu tư công; vốn doanh nghiệp; nguồn hợp pháp khác	2023-2030
16	Xây dựng mới Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Vốn đầu tư công; nguồn hợp pháp khác	2023-2030
17	Xây dựng Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Nam Định	Vốn đầu tư công; nguồn hợp pháp khác	2022-2024
18	Nâng cấp các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện đáp ứng các yêu cầu khám chữa bệnh theo từng giai đoạn	Vốn đầu tư công; nguồn hợp pháp khác	2023-2030
19	Đầu tư xây dựng lại các chung cư cũ trên địa bàn thành phố Nam Định	Vốn doanh nghiệp; đầu tư công; nguồn hợp pháp khác	2023-2030
VI	Hạ tầng xử lý môi trường		
20	Xây dựng hệ thống thu gom và Nhà máy xử lý nước thải thành phố Nam Định	Vốn Doanh nghiệp; đầu tư công; ODA; nguồn hợp pháp khác	2023-2030
21	Dự án xây dựng khu xử lý rác thải tại xã Mỹ Thành; Các dự án xây dựng Khu xử lý rác thải tập trung tại các huyện theo quy hoạch	Vốn Doanh nghiệp; nguồn hợp pháp khác	2023-2030